



tōng qì

通气

verb · ventilate; keep in touch

Example Sentences

Fáng jiān yào jīng cháng kāi chuāng tōng qì
房间要经常开窗通气。

The room should be ventilated by opening windows often.

zhè jiàn shì nǐ dé xiān gēn wǒ tōng tōng qì bié zì jǐ zuò jué dìng
这件事你得先跟我通通气，别自己做决定。

You need to keep me in the loop about this matter first; don't decide on your own.

Trace each character, then write the word on your own.

通	通	通	通	通	通	通	通	通	通	通
通	通									

气	气	气	气	气	气	气				

